TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 546/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/QĐXX-HNGĐ ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Khu phố 9, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Tô Hoài N, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Đường Bùi Thị X, phường A, thị xã An K, tỉnh Gia Lai; tạm trú: Khu phố 9, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày: Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Tô Hoài N tự nguyện sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng cuối năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, do tính tình không hợp nên vợ chồng hay cải vả. Ông N không quan tâm chăm sóc cho vợ. Vợ chồng chưa

có con chung nên ông N cũng thường hay đỗ lỗi cho vợ không sinh con. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tô Hoài N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Tô Hoài N đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Tô Hoài N nhiều lần để làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tô Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Tô Hoài N có địa chỉ tạm trú tại khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Bà T và ông N tự nguyện sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/9/2018, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T cho rằng giữa bà và ông N không còn yêu thương nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng hay cải vả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

[3.2] Kết quả xác minh ngày 04/01/2022 thể hiện: Ông Tô Hoài N, có đăng ký tạm trú tại khu phố 9, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa phương

không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới tranh chấp về ly hôn giữa bà T và ông N.

[3.3] Xét thấy, hiện nay bà T không còn yêu thương ông N. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động, thuyết phục bà T cho ông N cơ hội để về đoàn tụ gia đình nhưng bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn; ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và hòa giải đoàn tụ nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông N không quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[3.4] Về con chung: Ông N và bà T không có con chung nên không xem xét.

[3.5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Tiên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T đối với bị đơn ông Tô Hoài N về việc "Tranh chấp ly hôn".

Bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với ông Tô Hoài N.

2. Về con chung: Không có, không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thủy T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0004574 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- UBND p. Chánh Phú Hòa, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương